

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10-6-2026

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Ngọc Thu.

Bà Nguyễn Mộng Cầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 226/2026/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Xuân H, sinh năm 2003; nơi cư trú: Ấp H, xã T, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên hệ: Ấp T, xã H, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp P, xã L, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/3/2026 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị Xuân H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tiến đến hôn nhân là do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là Ủy ban nhân dân xã L), tỉnh Vĩnh Long vào ngày 04/8/2022. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng tháng 3/2025 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau và ly thân cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm

với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Lê Ngọc Kim N, sinh ngày 26/01/2020 hiện đang sinh sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn T đã được Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do; không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của chị H.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Bùi Thị Xuân H có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Văn T.

Bị đơn anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý đơn kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị Xuân H, cho chị Bùi Thị Xuân H ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Giao Lê Ngọc Kim N, sinh ngày 26/01/2020 cho chị Bùi Thị Xuân H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 04/5/2026, chị Bùi Thị Xuân H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai vắng mặt không

vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của chị Bùi Thị Xuân H.

Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Xuân H và anh Lê Văn T tiến tới hôn nhân do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là Ủy ban nhân dân xã L), tỉnh Vĩnh Long vào ngày 04/8/2022. Quá trình chung sống đến khoảng tháng 3/2025 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau và ly thân cho đến nay. Xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Ngọc Kim N, sinh ngày 26/01/2020 hiện đang sinh sống cùng với chị H. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Ngọc Kim N và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét cháu N đang học lớp lá tại trường mầm non L, tỉnh Đồng Tháp, còn chị H sinh sống bằng nghề làm tóc, thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng và có đủ điều kiện, khả năng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị H và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Xuân H, cho chị Bùi Thị Xuân H ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung: Giao Lê Ngọc Kim N, sinh ngày 26/01/2020 cho chị Bùi Thị Xuân H nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được quyền tới thăm con chung, không ai được ngăn cản. Anh T không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của chị H.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0005070, ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TVL;
- VKSND.KV1-VL;
- Phòng THADS.KV1-VL;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hải Châu